

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hải Thượng
giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng NTM xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2011-2020 và định hướng sau năm 2020;

Xét Báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐĐA ngày 25/01/2013 của Tổ thẩm định đề án xây dựng xã NTM về kết quả thẩm định Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hải Thượng giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định đề án xây dựng xã nông thôn mới tại Tờ trình số 01/TTr-TTĐĐA ngày 28/1/2013; đề nghị của UBND xã Hải Thượng tại Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 25/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung.

Xây dựng xã Hải Thượng đến năm 2015 cơ bản đạt chuẩn xã nông thôn mới, thể hiện các đặc trưng: Có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông

nghiệp với phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Mục tiêu cụ thể

*** Về kinh tế, xã hội:**

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2012-2015 từ 13-14%/năm, giai đoạn 2016-2020: 16-17%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 29-30 triệu đồng, năm 2020 đạt 58-60 triệu đồng.

- Cơ cấu các ngành kinh tế đến năm 2015: Nông-Lâm-Thủy sản: 38%; CN, TTCT, XD: 27%; DV-TM: 35%. Đến năm 2020: Nông-Lâm-Thủy sản 35%; CN, TTCT, XD: 30%; DV-TM: 35%.

- Giá trị sản xuất đạt 55-60 triệu đồng/ha đất canh tác vào năm 2015 và 70-75 triệu đồng/ha vào năm 2020.

- Giải quyết cơ bản vấn đề hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% vào năm 2014.

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 50% và đến năm 2020 đạt 80%.

- Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2013; Tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế đến năm 2015 đạt trên 95%.

- Đến năm 2015: 100% hộ sử dụng điện; 100% hộ được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; 92% hộ có hố xí tự hoại, bán tự hoại.

- Xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới" vào năm 2015.

- Đến năm 2015 đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng như GTNT, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất văn hoá, y tế, giáo dục đạt chuẩn.

*** Về xây dựng nông thôn mới:**

Giai đoạn 2011-2015: Có 19/19 tiêu chí đạt và vượt chuẩn nông thôn mới.

- Năm 2011: Đạt 7 tiêu chí, gồm: Tiêu chí 4 (**điện**); tiêu chí 5 (Trường học); tiêu chí 8 (Bưu điện); tiêu chí 13 (Hình thức tổ chức SX); tiêu chí 16 (văn hoá); tiêu chí 18 (hệ thống tổ chức chính trị); tiêu chí 19 (an ninh trật tự xã hội).

- Năm 2012: Đạt thêm 2 tiêu chí: Tiêu chí số 1 (quy hoạch), tiêu chí 9 (Nhà ở).

- Năm 2013: Đạt thêm 4 tiêu chí: Tiêu chí số 7 (**chợ**), tiêu chí 15 (**y tế**), tiêu chí 17 (môi trường), tiêu chí 14 (giáo dục).

- Năm 2014: Đạt thêm 3 tiêu chí: Tiêu chí số 6 (cơ sở vật chất văn hoá), tiêu chí 11 (hộ nghèo), tiêu chí 12 (cơ cấu lao động).

- Năm 2015: Đạt 3 tiêu chí còn lại: Tiêu chí số 2 (giao thông), tiêu chí 3 (thủy lợi), tiêu chí 10 (thu nhập).

II. NỘI DUNG CỤ THỂ:

1. Quy hoạch (tiêu chí 1).

Xã đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới (bao gồm quy hoạch hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội-môi trường theo chuẩn mới; quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp) đến năm 2020.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội nông thôn

2.1. Giao thông (tiêu chí 2).

a. *Mục tiêu:* Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông nông thôn, đảm bảo cho việc đi lại của nhân dân và vận chuyển hàng hoá, tiêu thụ nông sản. Đến năm 2015, nhựa hoá hoặc bê tông hoá 100% đường trục xã, liên xã, 70% đường trục thôn, xóm, ngõ xóm; cứng hoá 70% đường trục chính giao thông nội đồng. Đến năm 2020, cơ bản hoàn thành việc mở rộng và nhựa hoá, bê tông hoá các hệ thống giao thông trong xã; đầu tư mới các tuyến đường ra vùng chăn nuôi tập trung.

b. Nội dung thực hiện:

Xây mới, nâng cấp các đường trục chính liên xã, thôn; các tuyến đường ngõ, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng, đường ra vùng chăn nuôi tập trung, gồm:

*** Đường liên xã**

- Năm 2012, 2013: Bê tông hoá 2 tuyến, gồm: Tuyến đường qua NTLS xã dài 0,67 km và tuyến từ xóm 2 (Thượng Xá) đến Quốc lộ 1A dài 0,83 km.

- Năm 2014: Bê tông hoá 0,62 km từ nhà ông Quang đến KV Bàu Côộc.

- Năm 2014-2015: Nâng cấp, xây dựng mới 2 km (mặt đường 5m) đường từ nhà bà Hải (Đại An Khê) đến giáp đường Thượng - Xuân.

- Giai đoạn 2016-2020: Nâng cấp, cứng hoá 0,3 km (mặt đường 5 m) từ Cồn Căng đến giáp Long Hưng, xã Hải Phú.

*** Đường trục thôn**

- Năm 2013: Nâng cấp bằng bê tông 0,13 km (mặt đường 3m) từ nhà ông Cội đến ngõ ông Trục (Đại An Khê).

- Năm 2014: Mở rộng và bê tông 2 tuyến tại thôn Đại An Khê, từ mặt đường 3m lên 5m, gồm: Tuyến từ nhà bà Ân đến nhà ông Quang dài 1,8 km và tuyến trước cổng UBND xã đến ngõ nhà ông Giá dài 1,9 km.

- Năm 2013-2014: Bê tông 2 tuyến tại thôn Thượng Xá, mặt đường rộng 3,5 m, gồm: Tuyến từ Quán Dương đến Quốc lộ 1A dài 0,99 km và tuyến từ nhà bà Viễn đến Cầu Nhùng dài 0,11 km.

*** Đường ngõ xóm:**

Giai đoạn 2013-2015: Bê tông hoá 7,4 km gồm: Thôn Đại An Khê 3,53 km; thôn Thượng Xá 3,87 km. Giai đoạn 2016-2020: Bê tông hoá 4,35 km còn lại.

*** Đường trục chính nội đồng:**

Giai đoạn 2013-2015: Cứng hoá 26,38/36,48 km (mặt rộng 3m), gồm: 13,65 km tại thôn Đại An Khê và 12,73 km tại thôn Thượng Xá.

Giai đoạn 2016-2020: Cứng hoá các tuyến còn lại để đạt 100%.

- Năm 2013: 10 tuyến, dài 4,5 km, gồm:

+ Thôn Đại Khê:

Tuyến 1: Từ ngõ ông Lái đến cầu Lườn dài 600 m.

Tuyến 2: Từ ngõ ông Quang đến cống Ngóc Su dài 400 m.

Tuyến 3: Từ ngõ bà Xinh vào Đình làng Đại Nại dài 150 m.

Tuyến 4: Từ ngõ ông Sỹ đến cầu Hạ Vây (KV3) dài 600 m.

Tuyến 5: Từ ngõ ông Thích đến xứ đồng Hoang (KV5) dài 400 m.

Tuyến 6: Từ trục đường N24 đến Mẫu Cửa Trên (KV4) dài 300 m.

Tuyến 7: Đường Tân (KV4) dài 300 m.

+ *Thôn Thượng Xá:*

Tuyến 1: Từ Cầu Rôộc ra Cháu Tư dài 350 m.

Tuyến 2: Từ kênh N2-5 ra Tam Đạc dài 800 m.

Tuyến 3: Từ đường đập xóm 2 đến xóm hói dài 600 m.

- Năm 2014: 11 tuyến, dài 5,38 km, gồm:

+ *Thôn Đại Khê:*

Tuyến 1: Từ Mù U đến ngõ ông Sang (KV1) dài 600 m.

Tuyến 2: Từ Cầu Lườn đến cầu Sông Mới dài 400m.

Tuyến 3: Từ ngã ba bà Tiên đến Mỹ Mỹ dài 500 m.

Tuyến 4: Từ cầu Hạ Vây đến Cầu Máng dài 300 m.

Tuyến 5: Từ ngõ bà Thái đến Bà Miếu dài 400 m.

Tuyến 6: Từ ngã tư Đồng Sau đến ngõ ông Giá dài 1.100 m.

+ *Thôn Thượng Xá:*

Tuyến 1: Từ nhà ông Cường đến ông Quý dài 650 m.

Tuyến 2: Từ nhà ông Minh đến đường Đập dài 530 m.

Tuyến 3: Từ nhà bà Liêm đến Quốc lộ cũ dài 500 m.

Tuyến 4: Từ nhà bà Trình đến Xe Làng dài 500 m.

Tuyến 5: Đường từ nhà ông Thương đến Rú Mồ dài 300 m.

- Năm 2015: Cứng hoá các tuyến dài 16,5 km (Đại An Khê 8km, Thượng Xá 8,5km). Trong đó, cấp phối bằng đất đỏ 2 tuyến đường ra vùng chăn nuôi tập trung, dài 700 m.

- Giai đoạn 2016-2020: Cứng hoá các tuyến còn lại, trong đó xây dựng mới 01 tuyến đường đến khu vực Quég dài 1,5 km, mặt rộng 3,5m.

c. *Kinh phí thực hiện:* 38,342 tỷ đồng, giai đoạn 2013-2015: 27,238 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020: 11,104 tỷ đồng, gồm:

+ Nhà nước 20,011 tỷ đồng.

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: 3,843 tỷ đồng.

+ Nhân dân đóng góp: 6,828 tỷ đồng.

+ Vốn tín dụng, vốn khác: 7,668 tỷ đồng.

d. *Giải pháp:*

Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển GTNT trong nhân dân để mỗi người dân thấy được quyền lợi và nghĩa vụ của mình tham gia đóng góp xây dựng và phát triển GTNT.

Vận động nhân dân hiến đất, tự giải toả tài sản trên đất để mở rộng và làm mới đường giao thông, đường ra đồng ruộng, đường ra vùng chăn nuôi tập trung; thực hiện xã hội hoá trong xây dựng và phát triển GTNT.

Tranh thủ nguồn vốn do TW hỗ trợ, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, kiên cố hoá GTNT, vốn đầu giá QSD đất, vốn HTX, huy động sự đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác.

2.2. Thủy lợi (Tiêu chí 3).

a. *Mục tiêu:* Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đến năm 2015, tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá đạt 85%, đến năm 2020 đạt 100%.

b. *Nội dung thực hiện:*

- Giai đoạn 2012 - 2015, cứng hoá 48,53 km kênh mương nội đồng (Đại An Khê 29,63km; Thượng Xá 18,9km).

Năm 2013: Nâng cấp cầu thoát lũ sông Lấp tại xóm 5 và đập Trầm Lớn.

Năm 2014: Xây dựng trạm bơm điện tại KV2 Đại An Khê; mở mương tiêu bầu cháu qua Trén Dích đến giáp Sông Nhùng; nâng cấp đập hộ Phan, đập Miêu Duệ đảm bảo an toàn công trình và phục vụ sản xuất.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Cứng hoá 18,481 km kênh mương nội đồng còn lại.

c. *Kinh phí thực hiện*: 31,666 tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 2013-2015: 24,386 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020: 7,28 tỷ đồng, gồm:

+ Nhà nước: 10,380 tỷ đồng.

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: 2,427 tỷ đồng.

+ Nhân dân: 5,853 tỷ đồng.

+ Vốn tín dụng, vốn khác: 5,153 tỷ đồng.

d. *Giải pháp*: Tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước, vận động nhân dân, các HTX đóng góp và vốn lòng ghép để thực hiện.

2.3. Điện (Tiêu chí 4).

a. *Mục tiêu*: Đảm bảo tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%. Hoàn chỉnh hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

b. *Nội dung thực hiện*:

- Xây dựng mới 03 trạm biến áp để tổng công suất các trạm đạt 1.150 KVA. Trong đó, năm 2013: Xây dựng biến áp tại khu vực 1 (Đại An Khê) và tại xóm 3, xóm 4 (Thượng Xá); năm 2014: Xây dựng trạm biến áp tại ngã ba thôn Đại An Khê. Năm 2015: Kéo đường dây 0,4 KV ra khu vực chăn nuôi tập trung và 3 km đường dây hạ thế (Đại An Khê 1km; Thượng Xá 2km).

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trung, hạ áp và các trạm biến áp.

c. *Kinh phí thực hiện*: 9,78 tỷ đồng. Trong đó, giai đoạn 2013-2015: 1,752 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020: 8,028 tỷ đồng từ nguồn vốn của Công ty điện lực Quảng Trị và các chương trình dự án khác.

d. *Giải pháp*:

Tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, chấp hành tốt các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo an toàn của ngành điện.

Kiến nghị Công ty điện lực và các chương trình dự án thực hiện lắp đặt hệ thống điện cung cấp cho khu dịch vụ, vùng dân cư mới, vùng sản xuất tập trung.

2.4. Trường học (Tiêu chí 5)

a. *Mục tiêu*: Đến năm 2015, có trên 80% các trường, điểm trường các cấp học: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2020 tỷ lệ này đạt 100%.

b. *Nội dung thực hiện*: Xây dựng mới 9 phòng học vào năm 2013, gồm: Trường mầm non Thượng Xá 3 phòng, diện tích 150 m²; Trường tiểu học trung tâm 6 phòng, diện tích 300 m².

c. *Kinh phí thực hiện*: 3,8 tỷ đồng, từ nguồn sự nghiệp giáo dục và các tổ chức, chương trình dự án.

d. *Giải pháp*: Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo. Đầu tư trang thiết bị đồ dùng cho các lớp, phòng thực hành bộ môn, phòng đa chức năng, đồ chơi trường Mầm non, thiết bị CNTT phục vụ giảng dạy và hoạt động của các trường, điểm trường.

2.5. Cơ sở vật chất văn hoá (Tiêu chí 6).

a. *Mục tiêu:* Xây dựng nhà văn hoá, khu thể thao xã và thôn đạt chuẩn.

b. *Nội dung thực hiện:*

- Năm 2013: Xây dựng sân thể thao xã và thôn Thượng Xá.

- Năm 2014: Mở rộng diện tích khuôn viên nhà văn hoá xã lên 1.000 m²; tiếp tục xây dựng cổng, tường rào và đầu tư dụng cụ phục vụ thi đấu bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, điền kinh tại 2 sân trên; xây dựng điểm thi đấu bóng chuyền, cầu lông tại Trung tâm văn hoá Đại An Khê.

- Năm 2015: Xây dựng 2 cổng chào tại thôn Thượng Xá.

c. *Kinh phí thực hiện:* 3 tỷ đồng (Nhà nước 2 tỷ đồng, nhân dân 1 tỷ đồng).

d. *Giải pháp:* Tranh thủ nguồn vốn sự nghiệp văn hoá, nguồn vốn xây dựng thiết chế văn hoá, đấu giá QSD đất, đóng góp của nhân dân. Xã hội hoá việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hoá, thể dục thể thao.

2.6. Chợ (Tiêu chí 7).

a. *Mục tiêu:* Phân đấu đến cuối năm 2013, hoàn thành xây dựng chợ và khu TM-DV tại ngã tư đường Thượng - Sơn và Thượng - Xuân.

b. *Nội dung thực hiện:* Xây dựng đình chợ, hệ thống kiốt và các hạng mục theo thiết kế.

c. *Kinh phí thực hiện:* Khoảng 3 tỷ đồng (Nhà nước 2 tỷ đồng; vốn khác 01 tỷ đồng).

d. *Giải pháp:* Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, quản lý và khai thác. Tổ chức đấu giá QSD đất để xây dựng, tranh thủ nguồn vốn từ chương trình mục tiêu của TW, kêu gọi doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia đầu tư.

2.7. Bưu điện (Tiêu chí 8).

Hiện nay điểm bưu điện tại xã hoạt động có hiệu quả, về lâu dài cần tập trung đầu tư xây dựng, mua sắm thêm các thiết bị bưu chính, viễn thông phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

2.8. Nhà ở dân cư (Tiêu chí 9)

a. *Mục tiêu:* Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn trên 80%.

b. *Nội dung thực hiện:*

- Nâng cấp, sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình chính sách gặp khó khăn.

- Hộ dân tự chỉnh trang, nâng cấp nhà ở, xây dựng khuôn viên nhà ở bằng tường rào hoặc trồng cây xanh thích hợp làm tường rào.

c. *Kinh phí thực hiện:* Vốn của hộ gia đình, tín dụng, ngân sách.

d. *Giải pháp:* Tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành các quy định của nhà nước về lĩnh vực xây dựng nhà ở. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cấp, cải tạo nhà ở cho hộ gia đình gặp khó khăn. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng nhà ở gắn với công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

3. Phát triển kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất

Gồm các tiêu chí 10 (Thu nhập), tiêu chí 11 (Hộ nghèo), tiêu chí 12 (Cơ cấu lao động) và tiêu chí 13 (Hình thức tổ chức sản xuất).

3.1. Mục tiêu:

- Phân đấu đến năm 2015, mức thu nhập bình quân đầu người bằng 1,4 lần so với mức bình quân chung của tỉnh.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% vào năm 2014.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đạt 35% vào năm 2015.

- Duy trì và phát triển các loại hình hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết làm ăn có hiệu quả.

3.2. Nội dung thực hiện:

3.2.1. Phát triển sản xuất nông nghiệp:

a. Về Trồng trọt:

- Cây lúa: Duy trì diện tích trồng lúa đến năm 2020 khoảng 600 ha, trong đó lúa chất lượng cao đạt 75% năm 2015 và 85% vào năm 2020. Bố trí sản xuất lúa giống 30 ha và vùng chuyên canh lúa chất lượng cao 450 ha ở những xứ đồng có chất đất tốt.

- Duy trì diện tích các loại cây: sắn 135 ha, sen 12 ha, ngô 20 ha, lạc 20 ha...

- Nhóm cây rau đậu, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày: Sản xuất rau màu an toàn, chất lượng cao tại vườn hộ và các vùng tập trung, đến năm 2015 cây thực phẩm các loại đạt khoảng 12 ha, năm 2020 đạt 15ha.

- Phát triển cây cao su đạt 100-105 ha vào năm 2015 tại vùng Quếng. Phát triển diện tích trồng tiêu, cây ăn quả các loại tại các vườn hộ gia đình.

b. Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm theo hướng gia trại, trang trại, kết hợp với nuôi trồng các loại cây con khác.

Phấn đấu đến năm 2015 đàn Bò đạt 600-650 con, trong đó đàn bò lai chiếm 80-85%, chú trọng phát triển bò lai Brahman, lai Draughmater; đàn lợn đạt 11.000-12.000 con; ổn định đàn trâu hiện có.

Phát triển mạnh đàn gia cầm và thủy cầm theo hướng mô hình công nghiệp; bình quân mỗi năm tổng đàn có từ 150-160 nghìn con.

Bố trí vùng chăn nuôi tập trung ở khu vực Cựa Ràn, Bàu Sứ, La Lã, Bàu Nỏ, Rú Môn... diện tích mỗi vùng từ 2-4 ha.

c. Về Thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản một cách bền vững, chú trọng phát triển cơ sở sản xuất cá giống. Phấn đấu đến năm 2020 diện tích chuyên canh nuôi trồng thủy sản đạt 65-70 ha, sản lượng đạt 90 tấn/năm, cá giống 95 vạn con/năm.

Hình thành các vùng nuôi thủy sản tập trung kết hợp chăn nuôi tại các vùng đã được quy hoạch.

d. Lâm nghiệp: Hàng năm trồng mới 10-15 vạn cây phân tán, gieo ươm 60-70 vạn cây giống các loại để cung cấp cho thị trường.

3.2.2. Phát triển CN-TTCN:

Duy trì và phát triển các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản quy mô hộ gia đình như: Xay sát, sửa chữa xe máy, nghề mộc, nề... khuyến khích các cơ sở có tiềm năng thành lập doanh nghiệp.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào Cụm công nghiệp Hải Thượng và Khu vực ngã 5-Thượng Xá. Du nhập thêm các ngành nghề mới kết hợp với công tác đào tạo nghề để từng bước chuyển lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp như cơ khí, sửa chữa nhỏ, xây dựng, nội thất, sửa chữa dân dụng...

3.2.3. Phát triển Thương mại - dịch vụ, du lịch:

Phát triển thị trường nội địa, gắn sản xuất hàng hoá với lưu thông và tiêu dùng. Tăng cường các hoạt động giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các hộ sản xuất kinh doanh tiếp cận thị trường.

Phát triển các dịch vụ thương mại tại ngã tư QL1A, đường Thượng-Xuân, Ngã năm, ngã tư Thượng Xá, Trầm Lớn, Già Lịch, Văn Thánh. Khuyến khích **phát triển dịch vụ vận tải** hành khách, hàng hoá.

Đầu tư và đưa vào hoạt động Khu du lịch sinh thái Trầm Lớn.

3.3 Kinh phí thực hiện: 24,266 tỷ đồng, trong đó, giai đoạn 2013-2015: 16,986 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020: 7,280 tỷ đồng, gồm:

- + Nhà nước: 12,133 tỷ đồng.
- + Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: 2,427 tỷ đồng.
- + Nhân dân: 4,853 tỷ đồng.
- + Vốn tín dụng, vốn khác: 4,853 tỷ đồng.

3.4. Giải pháp:

Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với đẩy mạnh **chuyển dịch cơ cấu** kinh tế, lao động. Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả cao, quy mô lớn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, khuyến khích hình thành các tổ hợp tác, đa dạng hoá các loại hình **dịch vụ** phù hợp với nguồn lực HTX và nhu cầu xã viên. Tổ chức thực hiện tốt **Kế hoạch xây dựng HTX NN** điển hình tiên tiến giai đoạn 2012-2015.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư thu mua, chế biến sản phẩm sản xuất tại địa phương, hình thành mô hình “liên kết 4 nhà” trong sản xuất, tiêu **thụ** nông sản hàng hoá.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chương **trình** giảm nghèo nhanh và bền vững; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và trợ cấp xã **hội**. Quan tâm giúp đỡ đối tượng hộ nghèo và hộ cận nghèo.

Lồng ghép các nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn **khác** để đầu tư phát triển sản xuất.

4. Văn hoá, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục và đào tạo (tiêu chí 14).

a. Mục tiêu: Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất **lượng** phổ cập giáo dục THCS, và phổ cập giáo dục bậc Trung học. Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt trên 85%. Đến năm 2015 có 50% và đến năm 2020 có 80% lao động qua đào tạo.

b. Nội dung thực hiện: Duy trì và nâng cao chất **lượng** dạy và học. **Đảm** bảo tỷ lệ trẻ em đến trường, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS **được tiếp** tục học bậc Trung học theo quy định.

c. Kinh phí thực hiện: 1 tỷ đồng từ ngân sách **nhà nước**.

d. Giải pháp: Nâng cao chất lượng quản lý giáo dục. Xã hội hoá hoạt động giáo dục và đào tạo. Triển khai có hiệu quả các đề án phát triển giáo dục **của huyện** như: Đề án phổ cập giáo dục bậc Trung học, Đề án phát triển giáo dục, **Đề án** đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Hàng năm đào tạo **cho** 120-150 học viên, tập trung các nghề có nhu cầu như: Cơ khí, điện cơ, **điện tử** công nghiệp, chế biến nông sản, các nghề phục vụ cho xuất khẩu lao động...

4.2. Y tế (tiêu chí 15).

a. Mục tiêu: Xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2013. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 95% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

b. Nội dung thực hiện: Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trạm y tế; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế xã, thôn; xây dựng vườn thuốc nam đảm bảo tiêu chuẩn; bố trí đủ số lượng cán bộ y tế xã theo quy định.

c. Kinh phí thực hiện: 5,1 tỷ đồng, trong đó: Chương trình SODI hỗ trợ 4,4 tỷ đồng và đối ứng địa phương 0,7 tỷ đồng.

d. Giải pháp: Xã hội hoá lĩnh vực y tế; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tinh thần thái độ phục vụ của y, bác sĩ. Vận động nhân dân tham gia các hình thức BHYT.

4.3. Xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh (tiêu chí 16).

a. Mục tiêu: Xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới" vào năm 2015. Duy trì 100% thôn đạt chuẩn văn hoá theo quy định của Bộ VH, TT&DL.

b. Nội dung thực hiện: Thực hiện tốt 5 tiêu chuẩn "Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới" và 5 tiêu chuẩn danh hiệu "Làng văn hoá" theo quy định của Bộ VH, TT&DL.

c. Giải pháp: Nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, thông tin-thể thao, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" gắn với việc học tập và là theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng Huyện điển hình văn hoá giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Kiện toàn BDH làng văn hoá, đơn vị văn hoá và bổ sung hương ước, quy ước xây dựng đơn vị văn hoá. Duy trì và phát triển các câu lạc bộ như: văn nghệ Sông Nhùng, phòng chống bạo lực gia đình...; vận động và tổ chức cho người dân tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ...

4.4. Bảo vệ môi trường nông thôn (tiêu chí 17).

a. Mục tiêu: Bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn, đến cuối năm 2013 có 100% hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; đến năm 2015, 100% cơ sở SXKD đạt tiêu chuẩn về môi trường; 92% hộ có hố xí tự hoại, bán tự hoại; 80% hộ có cơ sở chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

b. Nội dung thực hiện:

- Đầu tư Hệ thống đường ống đưa nước từ Nhà máy nước Quảng Trị đến thôn Thượng Xá, khu vực xóm Rôộc (Đại An Khê).

- Kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức để các cơ sở sản xuất kinh doanh ký cam kết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Đầu tư nhà vệ sinh, xử lý chất thải chuồng trại chăn nuôi cho 296 hộ.

- Tiếp tục thực hiện đề án thu gom rác thải, đưa rác đến chôn lấp xử lý tại bãi rác chung của huyện.

- Chính trang các nghĩa địa hiện có theo đúng quy hoạch.

c. Kinh phí thực hiện: 9 tỷ đồng, giai đoạn 2013-2015: 7,5 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020: 1,5 tỷ đồng, gồm: Nhà nước: 6,4 tỷ, Nhân dân: 2,6 tỷ đồng.

d. Giải pháp: Tranh thủ các nguồn vốn từ Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn và vốn khác để đầu tư hệ thống ống dẫn nước chính đến các khu dân cư; vận động nhân dân tự giải phóng mặt bằng để lắp đặt ống dẫn nước. Khuyến khích nhân dân vay vốn xây dựng hố xí tự hoại, bán tự hoại; xây dựng

chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh. Tổ chức cam kết bảo vệ môi trường, khuyến khích chủ dự án đầu tư các công nghệ sạch. Hạn chế dần chăn nuôi nhỏ lẻ khó kiểm soát nguồn phát sinh ô nhiễm. Khuyến khích nhân dân chôn cất theo quy hoạch, quy tập mộ để tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt phong trào “Tết trồng cây” hàng năm, nâng cao diện tích cây xanh. Có giải pháp đưa các cơ sở sản xuất nằm trong khu dân cư, gần với Quốc lộ 1A vào Cụm Công nghiệp trên địa bàn.

5. Củng cố nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức:

a. *Mục tiêu:* Duy trì 100% cán bộ đạt tiêu chuẩn; có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể chính trị xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên; an ninh, trật tự xã hội được giữ vững.

b. *Nội dung thực hiện:*

- Xây dựng mới 6 phòng làm việc, với diện tích mỗi phòng 25m² cho cán bộ xã gắn với đầu tư các thiết bị để đạt chuẩn (đầu tư cùng với Nhà văn hoá xã).

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ công chức xã có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, năng lực công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Duy trì Đảng bộ xã đạt Trong sạch vững mạnh, chính quyền xã đạt vững mạnh hàng năm.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức về nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh và nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

c. *Kinh phí thực hiện:* 0,2 tỷ đồng, giai đoạn 2012-2015: 0,15 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 là 0,05 tỷ đồng.

d. *Giải pháp:*

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ công chức và không chuyên trách. Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và các tổ chức chính trị xã hội thông qua việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tuyên truyền, vận động toàn dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và các hoạt động tự quản, hoà giải nhân dân. Không để xảy ra trọng án, không sử dụng chất nổ, xung điện trái phép, cờ bạc, mại dâm và ma tuý... Lực lượng dân quân, tự vệ luôn được củng cố và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

III. VỐN VÀ NGUỒN VỐN:

1. Tổng nhu cầu vốn.

Khái toán tổng vốn xây dựng nông thôn mới: 147,744 tỷ đồng, gồm:

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản:	110,688 tỷ đồng (chiếm 74,9 %)
+ Giao thông:	41,342 tỷ đồng.
+ Thuỷ lợi:	31,666 tỷ đồng.
+ Điện:	9,780 tỷ đồng.
+ Trường học:	3,800 tỷ đồng.

+ Cơ sở vật chất văn hoá:	11,500 tỷ đồng.
+ Môi trường:	7,500 tỷ đồng.
+ Y tế:	5,100 tỷ đồng.
- Vốn phát triển sản xuất:	29,820 tỷ đồng (chiếm 20,2%).
- Vốn cho các hoạt động khác:	7,236 tỷ đồng (chiếm 4,9%).

2. Phân kỳ đầu tư.

Tổng nhu cầu vốn là 147,744 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2012-2015: 104,518 tỷ đồng chiếm 70,7%, gồm:
 - + Năm 2013: 32,600 tỷ đồng.
 - + Năm 2014: 36,018 tỷ đồng.
 - + Năm 2015: 36,000 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2016-2020: 43,226 tỷ đồng, chiếm 29,3%.

3. Cơ cấu nguồn vốn.

Tổng nguồn vốn: 147,744 tỷ đồng, gồm:

- Nhà nước: 57,143 tỷ đồng, chiếm 38,6%.
- Nhân dân đóng góp: 15,721 tỷ đồng, chiếm 10,6%.
- Doanh nghiệp, HTX: 30,538 tỷ đồng, chiếm 20,8%.
- Vốn tín dụng, khác: 44,041 tỷ đồng, chiếm 30%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Chủ tịch UBND xã Hải Thượng phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan thực hiện:

- Tổ chức công bố Đề án đã được phê duyệt để các tổ chức, đơn vị và cán bộ và nhân dân biết, thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm để tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung Đề án. Trong quá trình thực hiện, tiếp tục nghiên cứu đề xuất điều chỉnh, bổ sung đề án phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND xã Hải Thượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *wl*

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN-PTNT (b/c);
- Thường vụ Huyện uỷ (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đảng uỷ, HĐND xã Hải Thượng;
- PVP, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Đại Nam